**CHỦ ĐỀ 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THẾ GIỚI SỐNG**

**A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT CƠ BẢN**

- Thế giới sống được chia thành các cấp độ tổ chức từ thấp đến cao theo nguyên tắc thứ bậc: Tế bào ⭢ Cơ thể ⭢ Quần thể - Loài ⭢ Quần xã ⭢ Hệ sinh thái - Sinh quyển.

- Đặc điểm chung của các cấp tổ chức sống:

+ Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc, trong đó tổ chức dưới làm nền tảng xây dựng nên tổ chức sống cấp trên. Tổ chức sống cấp cao hơn không chỉ có các đặc điểm của tổ chức sống cấp thấp mà còn có những đặc tính nổi trội mà tổ chức dưới không có được.

+ Hệ thống mở tự điều chỉnh.

Mọi cấp tổ chức sống đều có các cơ chế tự điều chỉnh đảm bảo duy trì và điều hoà sự cân bằng động trong hệ thống, giúp tổ chức sống có thể tồn tại và phát triển.

+ Thế giới sống liên tục tiến hoá.

Sự sống được tiếp diễn liên tục nhờ sự truyền thông tin trên ADN từ tế bào này sang tế bào khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Do đó, các sinh vật đều có những điểm chung. Tuy nhiên, sinh vật luôn có những cơ chế phát sinh các biến dị và chọn lọc tự nhiên không ngừng tác động để giữ lại các dạng sống thích nghi⭢ Dù có chung nguồn gốc nhưng các sinh vật luôn tiến hoá theo nhiều hướng khác nhau tạo nên 1 thế giới sống vô cùng đa dạng và phong phú.

- Năm giới sinh vật:

+ Giới khởi sinh: sinh vật nhân sơ, cơ thể đơn bào, dinh dưỡng theo kiểu dị dưỡng hoặc tự dưỡng. Bao gồm các loài vi khuẩn.

+ Giới nguyên sinh: bao gồm các sinh vật nhân thực, cơ thể đơn bào hoặc đa bào, dinh dưỡng theo kiểu dị dưỡng hoặc tự dưỡng. Bao gồm: Tảo; nấm nhầy và động vật nguyên sinh.

+ Giới nấm: bao gồm các sinh vật nhân thực, cơ thể đơn bào *(nấm men)* hoặc đa bào *(nấm sợi)*, dinh dưỡng theo kiểu dị dưỡng hoại sinh.

+ Giới thực vật: Bao gồm các sinh vật đa bào nhân thực, có khả năng quang hợp, dinh dưỡng theo kiểu quang tự dưỡng.(rêu, quyết,hạt trần, hạt kín)

+ Giới động vật: Bao gồm các sinh vật đa bào nhân thực, dinh dưỡng theo kiểu dị dưỡng (thân lỗ, Rkhoang, Gdẹp,Gtròn,Gđốt,thân mềm, châp khớp, da gai, ĐV có dây sống)

- Đa dạng sinh vật thể hiện rõ nhất là đa dạng loài. Đa dạng loài là mức độ phong phú về số lượng, thành phần loài. Đa dạng sinh vật còn thể hiện ở đa dạng quần xã và đa dạng hệ sinh thái.

**B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

Câu **1. NB** Các cấp tổ chức sống cơ bản là:

 A. Nguyên tử, phân tử, tế bào, cơ thể, quần thể.

 B. Tế bào, cơ thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái.

 C. Tế bào, mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể .

 D. Cơ thể, quần thể, quần xà, hệ sinh thái.
**Câu 2.** **NB** Tổ chức nào sau đây là đơn vị phân loại của sinh vật trong tự nhiên?

 A. Quần thể B. Quần xã C. Loài D. Sinh quyển

**Câu 3**. **NB** Một hệ thống tương đối hoàn chỉnh bao gồm quần xã sinh vật và m.trường sống của nó được gọi là:

 A. Quần thể B. Loài sinh vật C. Hệ sinh thái D. Nhóm quần xã

**Câu 4**. **NB** Hãy chọn câu sau đây có thứ tự sắp xếp các cấp độ tổ chức sống từ thấp đến cao:

 A. Cơ thể, quần thể, hệ sinh thái, quần xã

 B. Quần xã, quần thể, hệ sinh thái, cơ thể

 C. Quần thể, quần xã, cơ thể, hệ sinh thái

 **D.** Cơ thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái.
**Câu 5:** **NB** Đơn vị cơ bản cấu tạo nên mọi cơ thể sống là

A. phân tử B. bào quan C. tế bào D. nhân
**Câu 6**. **NB** Tổ chức sống nào sau đây có cấp thấp nhất so với các tổ chức còn lại?

  **A**. Quần thể B. Quần xã C. Sinh quyển D. Hệ sinh thái

**Câu 7.** **NB** Cấp tổ chức cao nhất và lớn nhất của hệ sống là:

A**.** Hệ sinh thái-sinh quyển. B. Tế bào
C. Quần thể- loài. D. Cơ thể

**Câu 8.** **TH** Các cấp tổ chức sống có đặc điểm chung, trừ

A. Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc. B. Đều là những hệ mở và tự điều chỉnh.

C. Thế giới sống không ngừng tiến hoá. D. Đều có sự trao đổi chất và năng lượng với nhau.

**Câu** **9**. **TH** Thế giới sống được tiếp diễn liên tục là nhờ:

 A. Sự sao chép của ADN. B. Sự trao đổi chất và năng lượng

 C. Sinh trưởng và phát triển D. Cảm ứng

**Câu** **10**. **TH** Nhờ cơ chế nào sinh vật thích nghi với môi trường:

 A. trao đổi chất và năng lượng B. Sinh trưởng và phát triển

 C. Biến dị, di truyền và CLTN. D.Cảm ứng

**Câu 11. TH** Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi trội ở mức cơ thể so với mức tế bào ?

 A. Trao đổi chất với môi trường

 B. Sinh trưởng phát triển qua các giai đoạn

 C. Là 1 hệ thống mở tương tác với môi trường và luôn luôn tiến hóa

 D. Được tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc
**Câu 12**. **TH** Các cấp tổ chức sống đều duy trì và điều hòa cân bằng trong hệ thống để tổ chức sống có thể tồn tại và phát triển. Đây là cơ chế gì của tổ chức sống?

A. Cơ chế trao đổi chất. B. Cơ chế sinh sản.

**C.** Cơ chế tự điều chỉnh. D. Cơ chế tự nhân đôi.

**Câu 13**. **TH** Nồng độ các chất trong cơ thể được duy trì ở mức độ ổn định, nếu mất cân bằng sẽ có cơ chế gì để đưa về mức bình thường?

A. Cơ chế trao đổi chất. B. Cơ chế sinh sản.

C. Cơ chế tự điều chỉnh. D. Cơ chế tự nhân đôi.

**Câu 14.** **TH** Các cấp tổ chức của cơ thể sống là 1 hệ mở vì:

A- phát triển và tiến hóa không ngừng.

B- có khả năng sinh sản để duy trì nòi giống.

C- có khả năng thích nghi với môi trường.

D- thường xuyên trao đổi chất với môi trường.
**Câu 15:** **TH** Các loài sinh vật mặc dù rất khác nhau nhưng chúng vẫn có những đặc điểm chung là vì:

1. Chúng sống trong những môi trường giống nhau.

B. Chúng đều được cấu tạo từ tế bào.

C. Chúng đều có chung một tổ tiên. D. Chúng đều là những sinh vật đa bào.

**Câu 16.** **VD** Sắp xếp các VD sau đây vào đúng cấp độ tổ chức của chúng từ thấp đến cao: 1.Rừng thông Đà Lạt 2. axit amin 3. nhiễm sắc thể. 4. hồng cầu
5. con cá 6. đàn gà 7. cá ở ruộng lúa 8. ADN
A. 1- 2- 3- 4- 5- 6- 7-8. B. 2- 8- 3- 4- 5- 6- 7- 1.
C. 2- 4- 3- 8- 5- 6- 1- 7. D. 8- 2- 3- 4- 5- 6- 1- 7.

**Câu 17**. **VD** Xét các cấp độ tổ chức sau:

1. Phân tử 2. Đại phân tử 3. Bào quan 4. Tế bào 5. Mô 6. Cơ quan 7. Hệ cơ quan 8. Cơ thể 9. Quần thể - loài 10. Quần xã 11. Hệ sinh thái – sinh quyển

Các cấp tổ chức cơ bản theo thứ tự từ thấp đến cao là:

A. 1 – 2 – 3 – 4 – 7 B. 4 – 8 – 9 – 10 – 11

C. 4 – 5 – 6 – 7 – 8 D. 4 – 8 – 10 – 9 – 11

**Câu 18**. **VD** Sắp xếp các ý sau đây theo nguyên tắc thứ bậc từ thấp đến cao:

1. Ngựa vằn 2. Ribôxôm 3. Tế bào thần kinh 4. Bán cầu đại não 5. Axit nuclêic 6. Hệ thần kinh 7. Nucleotit

A. 7 – 5 – 2 – 3 – 4 – 6 – 1 B. 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 7

C. 7 – 4 – 6 – 1 – 5 – 2 – 3 D. 1 – 5 – 7 – 3 – 4 – 6 – 2

**Câu 19**. **NB** Các cấp phân loại được sắp xếp từ thấp đến cao như thế nào?

 A. Chi- loài- họ- bộ- lớp- ngành- giới. B. Loài-chi-họ- bộ- lớp- ngành- giới.

 C. Chi- loài- bộ- họ- lớp- ngành- giới. D. Chi- loài- họ- bộ- ngành- lớp- giới

**Câu 20. NB** Những giới sinh vật nào thuộc sinh vật nhân thực?

A. Giới khởi sinh, giới nguyên sinh, giới thực vật và động vật.

 B. Giới nấm, giới nguyên sinh, giới thực vật và động vật.

 C. Giới nấm, giới khởi sinh, giới thực vật và động vật.

 D. Giới khởi sinh, giới nguyên sinh, giới nấm, giới thực vật và động vật.

**Câu 21**. **NB** Điểm đặc trưng của thực vật phân biệt với động vật là:

 A. Có nhân chuẩn. B. Cơ thể đa bào phức tạp

 C. Sống tự dưỡng. D. Có các mô phân hoá

**Câu 22**. **NB** Trong các đơn vị phân loại sinh vật dưới đây, đơn vị thấp nhất so với các đơn vị còn lại là: A. Họ B. Lớp C. Bộ D. Loài

**Câu 23**. **NB** Bậc phân loại cao nhất trong các đơn vị phân loại sinh vật là:

 A. Loài B. Giới C. Ngành D. Chi

**Câu 24. NB**Những sinh vật thuộc giới nấm là:

 A. nấm nhầy, nấm sợi và nấm men. B. nấm nhầy, nấm men và địa y.

 C. tảo, nấm sợi và nấm men. D. địa y, nấm sợi và nấm men.
**Câu 25**. **NB** Đặc điểm của sinh vật thuộc giới khởi sinh là:

 A. Chưa có cấu tạo tế bào. B. Tế bào cơ thể có nhân sơ.

 C. Là những có thể có cấu tạo đa bào. D. Tế bào cơ thể nhân thực.
**Câu 26**. **NB** Sinh vật bao gồm những giới:

A. giới khởi sinh, nguyên sinh, nấm, thực vật, động vật.

B. giới vi khuẩn, khởi sinh, nguyên sinh, thực vật và động vật.

C. giới khởi sinh, nguyên sinh, tảo, thực vật, động vật.

D. giới vi khuẩn, giới đơn bào, giới đa bào, thực vật và động vật.
**Câu 27**. **TH** Điều nào sau đây báo cho ta biết đó là tế bào nhân sơ hay tế bào nhân thực?

 A. Có hay không có thành tế bào. B. Có hay không có các ribôxôm.

 C. Có hay không có màng nhân.

 D. Tế bào có tiến hành trao đổi chất với môi trường hay không.
**Câu 28**. **TH** Đặc điểm **không** có ở giới nguyên sinh là:

 **A**. Cơ thể đơn bào. B. Thành tế bào có chứa chất kitin.

 C. Cơ thể đa bào. D. Có lối sống dị dưỡng hoại sinh.

**Câu 29.** **TH** Động vật có kiểu dinh dưỡng hoặc lối sống nào sau đây?

 A. Tự dưỡng. B. Dị dưỡng. C. Luôn hoại sinh. D. Luôn ký sinh.

**Câu 30**. **TH** Sinh vật thuộc giới nào sau đây có đặc điểm cấu tạo nhân tế bào khác hẳn với các giới còn lại?

 A. Giới nấm B. Giới động vật C. Giới thực vật D**.** Giới khởi sinh

**Câu 31.** Sinh vật nào sau đây có cấu tạo cơ thể đơn bào và có nhân thực?

 A. Động vật nguyên sinh B. Virut C. Vi khuẩn D. Giun đốt

**Câu 32**. **TH** Điều sau đây đúng khi nói về đặc điểm của vi khuẩn?

 A. Có tốc độ sinh sản rất nhanh B. Tế bào có nhân chuẩn

 C. Cơ thể chưa có cấu tạo tế bào D. Cơ thể đa bào

**Câu 33.** **TH** Điểm giống nhau giữa nấm nhày với động vật nguyên sinh là:

 A. Có chứa sắc tố quang hợp B**.** Sống dị dưỡng

 C. Có cấu tạo đa bào D. Tế bào cơ thể có nhiều nhân

**Câu 34**. **TH** Ngành thực vật chiếm ưu thế hiện nay trên trái đất là:

 A. Rêu B. Hạt trần C. Quyết D. Hạt kín

**Câu 35.** **TH** Đặc điểm nào dưới đây **không** phải là của giới thực vật

 A. Tự dưỡng theo lối quang tổng hợp B. Sống cố định

 C. Có lối sống dị dưỡng hoại sinh D**.** Cảm ứng chậm trước tác dụng môi trường

**Câu 36.** **TH** Sự khác biệt cơ bản giữa giới thực vật và động vật là

A. giới thực vật bao gồm các sinh vật tự dưỡng, giới động vật bao gồm các sinh vật dị dưỡng

B. giới thực vật bao gồm các sinh vật sống cố định, cảm ứng nhanh, giới động vật gồm các sinh vật phản ứng chậm và có khả năng di chuyển

C. giới thực vật gồm có 4 ngành, giới động vật gồm có 7 ngành chính

D. giới thực vật bao gồm các sinh vật sống di chuyển, cảm ứng chậm, giới động vật gồm các sinh vật phản ứng nhanh và sống cố định
**Câu 37. VDT** Sinh vật thuộc giới nguyên sinh:

 A. vi khuẩn. B. xạ khuẩn C. tảo lục đơn bào. D. vi khuẩn lam.

**Câu 38**. **VDT** Vi khuẩn là dạng sinh vật được xếp vào giới nào sau đây?

 A. Giới nguyên sinh. B. Giới thực vật. C**.** Giới khởi sinh. D. Giới động vật.
**Câu 39**. **VDT** Địa y là tổ chức cộng sinh giữa nấm với sinh vật nào sau đây?

A. Nấm nhày B. Động vật nguyên sinh

C. Tảo hoặc vi khuẩn lam D. Vi khuẩn lam hoặc động vật nguyên sinh

**Câu 40**. **VDT** Nấm có lối sống nào sau đây?

 A. Tự dưỡng. B. Dị dưỡng. C. Hội sinh. D. Quang tự dưỡng.
**Câu 41.** **VDT** Sắp xếp nào sau đây đúng theo thứ tự tiến hoá từ thấp đến cao của các ngành thực vật?

 A. Quyết, rêu, hạt trần, hạt kín B. Hạt trần, hạt kín, rêu, quyết

 C. Rêu, hạt kín, quyết, hạt trần D**.** Rêu, quyết, hạt trần, hạt kín